

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HS-ST
Ngày: 23-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Phẩm.

Ông Ninh Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh BG tham gia phiên tòa:
Ông Đào Duy Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh BG xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 16/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐ-HPT ngày 07/3/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn B**, sinh năm 1992; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh, trú quán: thôn K, xã T,, huyện L, tỉnh BG; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Hoàng Văn Bằng, sinh năm 1969; Con bà Chu Thị Chộ, sinh năm 1969; Trú tại thôn K, xã T,, huyện L, tỉnh BG; Bị cáo có vợ là Lãng Thị Bích, sinh năm 1993 và có 03 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019).

Tiền án: có 01 tiền án.

Tại bản án hình sự số 29/2016/HSST, ngày 27/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt Hoàng Văn B 3 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam; bồi thường cho người bị hại gồm: anh Vi Văn Q số tiền 7.480.000 đồng, Giáp Văn Kiên số tiền 5.550.000 đồng, Lục Văn P số tiền 5.520.000 đồng, Lãnh Quốc T số tiền 3.150.000 đồng, Vi Văn D số tiền 5.000.000 đồng, chị Trần Thị Đ số tiền 5.430.000 đồng và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 1.606.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 09/8/2018 B chấp

hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Ngày 20/6/2016 B đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; tháng 12/2017 B đã bồi thường cho anh Q, chị Đ, anh D. Hiện B chưa bồi thường cho anh Thịnh và anh Kiên. Tính đến thời điểm phạm tội này bị cáo Hoàng Văn B chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2022 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BG (có mặt).

*** Bị hại:**

1/ Bà Ngô Thị X, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: P, xã T, huyện L, tỉnh BG.

2/ Anh Vi Văn D, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh BG.

3/ Bà Ngô Thị Q, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: P, xã T, huyện L, tỉnh BG.

4/ Anh Loan Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh BG.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Ngô Tất P, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện L, tỉnh BG.

2. Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG.

3. Chị Lăng Thị B, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG.

*** Người làm chứng:**

1/ Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG.

2/ Anh Nguyễn Đức Sáng, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG.

3/ Anh Trần Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2020, Hoàng Văn B, sinh năm 1992, trú tại Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG đã nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đó mang thế chấp, cầm cố để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Để thực hiện hành vi

phạm tội, B đã thông qua mạng xã hội Zalo, kết bạn với tài khoản Zalo của người chuyên làm giấy tờ giả (hiện B không nhớ tên tài khoản này) và đặt vấn đề muốn làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Người này nhất trí đồng thời bảo B cung cấp tên, tuổi, địa chỉ và số chứng minh nhân dân của B để lấy thông tin làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó người này tự thiết kế hình dạng, diện tích thửa đất có địa chỉ tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG mang tên Hoàng Văn B và gửi cho B xem, B thấy phù hợp nên đã đặt làm 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Hoàng Văn B, với giá là 5.000.000 đồng/1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Khoảng 15 ngày sau thì có người liên hệ giao cho B 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mà B đã đặt gồm 02 (hai) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” mang tên Hoàng Văn B đều có số seri CT264072 đề ngày 23/01/2017 và 21/5/2019 đều được đóng dấu UBND huyện L, tỉnh BG, có chữ ký của phó Chủ tịch Cao Văn H; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CT2645072, số vào sổ CH216 mang tên Hoàng Văn B, sinh năm 1992, địa chỉ thường trú: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG do UBND huyện L cấp ngày 12/6/2013; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CT2645072, số vào sổ CH119 mang tên Hoàng Văn B, sinh năm 1992, địa chỉ thường trú: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG do UBND huyện L cấp ngày 24/6/2013 mang tên Hoàng Văn B, sinh năm 1992, trú quán: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG. B đã gửi cho người giao hàng số tiền 20.000.000 đồng để trả cho người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên. Sau khi có 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2020 đến tháng 01/2022 B đã 04 lần mang 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên thế chấp, cầm cố để chiếm đoạt tổng số tiền 180.000.000 đồng Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng giữa tháng 8/2020, B đến gặp anh Nguyễn Đức Sáng, sinh năm 1989, trú quán P, xã T, huyện L đặt vấn đề vay tiền anh Sáng để làm ăn, anh Sáng nói không có tiền thì B nhờ anh Sáng hỏi mẹ anh Sáng là bà Ngô Thị Q, sinh năm 1963, trú ở cùng thôn về việc B muốn thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền. Vài ngày sau, anh Sáng bảo B đến nhà bà Q nói chuyện. Ngày 24/8/2020, B đến nhà bà Q đặt vấn đề vay tiền, B nói với bà Q muốn vay của bà Q số tiền 50.000.000 đồng để mở quán ăn, B có sổ đỏ thế chấp và bảo bà Q cứ tính lãi suất. Bà Q đồng ý cho B vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi xuất là 1,5%/tháng. Bà Q yêu cầu vay tiền thì phải có cả vợ ký giấy tờ thì bà Q mới cho vay, nghe bà Q nói vậy thì B đã gọi cho vợ là chị Lăng Thị B, sinh năm 1993 đến nhà bà Q để ký giấy nhận tiền. B là người viết “Giấy nhận tiền” và ký, ghi rõ họ tên dưới mục người nhận tiền, Chị B khi ra nhà bà Q thấy B vay tiền của bà Q và bảo chị Bích ký giấy tờ thì chị Bích đã ký tên dưới mục người nhận tiền, việc B thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào thì chị B không biết, còn bà Q nhờ em trai là Ngô Tất P, sinh năm 1965, trú tại thôn M, xã P, huyện L có mặt tại đó đứng ra ký hộ vào giấy nhận tiền, anh P đồng ý và ký tên dưới mục người giao tiền. B và bà Q thống nhất thời hạn vay là 08 tháng, ngày 24/4/2021 B phải trả cả gốc lẫn lãi. Lúc bà Q đưa cho B số tiền 50.000.000 đồng thì B trả trước cho bà Q 04 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 3.000.000 đồng. Số tiền còn lại 47.000.000

đồng B sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Ngày 24/4/2021, đến hạn trả tiền bà Q có gọi điện thoại cho B thì B khất với bà Q qua vụ vải sẽ trả. Đến tháng 01/2022, B trả cho bà Q được số tiền 15.000.000 đồng và hẹn bà Q cuối tháng 01/2022 sẽ trả hết số tiền còn lại là 38.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Tuy nhiên đến nay B chưa trả cho bà Q số tiền nêu trên.

Lần thứ 2: Cuối tháng 10/2021, B nhờ anh Trần Văn T, sinh năm 1988, trú tại thôn H, xã T, huyện L hỏi hộ xem ai có tiền cho vay thì B muốn vay để làm ăn. Anh T đồng ý và điện thoại cho bà Ngô Thị X, sinh năm 1958, trú tại P, xã T, huyện L hỏi thì bà X bảo muốn vay tiền thì phải có tài sản thế chấp. Ngày 21/10/2021, anh T cùng B đến nhà bà X để B vay tiền, trước khi đến nhà bà X, B cầm theo 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số: ST264072 mang tên Hoàng Văn B. Tại nhà bà X, B và bà X thỏa thuận, bà X cho B vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi xuất 0,3%/tháng, thời hạn vay đến ngày 21/4/2022, B thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X. Sau đó bà X làm “Hợp đồng đặt cọc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, lúc này bà X nói với B là phải có vợ B tham gia ký hợp đồng đặt cọc thì bà X mới cho B vay tiền. B gọi điện thoại cho vợ là chị Lăng Thị B đến nhà bà X để ký hợp đồng đặt cọc vay tiền. Quá trình làm hợp đồng đặt cọc, bà X nói với B và chị Bích: Nếu không trả tiền vay và tiền lãi thì bà X sẽ lấy đất, B phải làm hợp đồng chuyển nhượng ký vào. B và chị B nhất trí ký vào hợp đồng dưới mục bên A, anh T ký vào mục bên C, bà X ký tên dưới mục bên B Sau khi làm hợp đồng xong, B giao cho bà X giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bà X đưa cho B số tiền 50.000.000 đồng, B đưa lại cho bà X 3.000.000 đồng để trả trước hai tháng tiền lãi. (nếu tính lãi xuất bà X thỏa thuận cho vay 0,3%/tháng thì 02 tháng lãi chỉ là 300.000đ) Số tiền còn lại 47.000.000 đồng vay của bà X, B đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 3: Ngày 29/6/2021 (âm lịch) tức 07/8/2021 dương lịch, B mang theo 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CT264072, cấp ngày 12/6/2013 mang tên Hoàng Văn B đến nhà anh Vi Văn D, sinh năm 1983, trú tại thôn C, xã P, huyện L đặt vấn đề thế chấp cho anh D để vay số tiền 30.000.000 đồng. Anh D nhất trí và viết “Giấy biên nhận” về việc cho Hoàng Văn B vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 29/12/2021 âm lịch, có sự chứng kiến của anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1984, trú tại Phố Chợ, xã Tân Sơn, huyện L. Sau khi viết giấy xong thì B ký vào dưới mục người vay tiền và nhận đủ số tiền 30.000.000 đồng vay từ anh D, B để lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho anh D để làm tin. Sau khi vay được số tiền trên của anh D, B đã chi tiêu cá nhân hết. Đến nay B chưa trả lại tiền anh D như thỏa thuận.

Lần thứ 4: Ngày 24/01/2022 B cùng anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1984, trú tại P, xã T, huyện L đến nhà anh Loan Văn T, sinh năm 1981, trú tại thôn D, xã Đ, huyện L để ăn cơm, uống rượu theo lời mời của anh T. Trước khi đi, B cầm theo một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CT264072 cấp ngày 12/6/2013 mang tên Hoàng Văn B cất giấu trong người. Trong lúc ngồi ăn cơm uống rượu tại nhà anh Thương, B có hỏi anh T : “Anh có tiền không cho em vay 50.000.000

đồng để làm ăn, em để lại sổ đỏ của em để làm tin”, anh T đồng ý. Sau khi ăn cơm, uống rượu xong thì anh T lấy số tiền 50.000.000 đồng đưa cho B vay, B đưa cho anh T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để làm tin. Sau đó anh T bảo B viết “Giấy vay tiền”, thời hạn trả là ngày 24/6/2022, B ký vào phần người nhận tiền, anh Vinh ký vào phần người làm chứng. Sau khi vay được số tiền trên của anh Thường, B đã sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 14/7/2022, ngày 26/7/2022 bà Ngô Thị X, anh Ngô Tất P lần lượt có đơn trình báo gửi Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh BG về việc Hoàng Văn B có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Ngô Thị X, Ngô Thị Q, đồng thời anh Phú giao nộp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: ST264072 mang tên Hoàng Văn B; 01 giấy nhận tiền đề ngày 20/8/2020.

Ngày 28/7/2022, Hoàng Văn B đến Công an tỉnh BG đầu thú và thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, đồng thời B giao nộp các tài liệu, đồ vật gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone xs màu trắng có số Imei 354863095716950, bên trong lắp sim 0868955882; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen ghi xám có số sêri 1: 357285080585629; số sêri 2: 357285080585637, bên trong lắp sim 1: 0352.681.237; sim 2: 0868.817.333. Cùng ngày 28/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh BG tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Hoàng Văn B. Quá trình khám xét thu giữ 01 giấy phép lái xe hạng E, số: 240211257784 mang tên Hoàng Văn B.

Trong các ngày 28/7/2022, 29/7/2022 và ngày 13/10/2022 Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh BG đã tạm giữ các đồ vật tài liệu gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ST264072 mang tên Hoàng Văn B và 01 hợp đồng đặt cọc đề ngày 21/10/2021 do bà Ngô Thị X giao nộp; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ST264072 mang tên Hoàng Văn B và 01 giấy xác nhận vay tiền do anh Vi Văn D giao nộp; 01 giấy vay tiền do B vay của anh Loan Văn Thường, đề ngày 24/01/2022 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CT264072 mang tên Hoàng Văn B do anh Hoàng Văn Ba sinh năm 1995, trú tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG (là em trai B giao nộp).

Ngày 01/8/2022, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh BG bàn giao hồ sơ, tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 29/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang ra Quyết định trưng cầu giám định số 260/QĐ-CSHS, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn B và Lăng Thị Bích trên các giấy vay tiền? Giám định các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thu giữ là thật hay giả?. Tại Kết luận giám định số 1334/KL-KTHS, ngày 04/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Phôi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, hình dấu tròn có nội dung “Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang”, chữ ký mang tên Cao Văn Hoàn dưới mục “TM. UBND huyện Lục Ngạn” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) được làm bằng phương pháp in phun màu.

2. Phôi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, hình dấu tròn có nội dung “Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn T. Bắc Giang” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) được làm bằng phương pháp in phun màu.

3. Chữ ký mang tên Cao Văn H dưới mục “TM. UBND huyện L” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký Cao Văn H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M6, M7) không phải do cùng một người ký, viết ra.

4. Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết có nội dung “B – Lăng Thị B” dưới mục “Người nhận tiền”, “Đại diện bên A” trên tài liệu cần giám định (A3, A4) so với chữ ký, chữ viết của Lăng Thị B trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M2, M3) là do cùng một người ký, viết ra.

5. Chữ ký, chữ viết tại mặt trước trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3 – trừ chữ ký dưới mục “Người giao tiền”, chữ ký dạng chữ viết, chữ viết có nội dung “B – Lăng Thị B” dưới mục “Người nhận tiền”); chữ ký dạng chữ viết, chữ viết có nội dung “B – Hoàng Văn B” dưới mục “Đại diện bên A” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A4) so với chữ viết, chữ ký của Hoàng Văn B (ký hiệu M1) là do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 08/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 11/QĐ-CSĐT, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định nội dung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT2645072 mang tên Hoàng Văn B là thật hay giả?. Tại Kết luận giám định bổ sung số 1419/KL-KTHS, ngày 17/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Phôi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CT2645072 mang tên Hoàng Văn B (ký hiệu A5) gửi giám định là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Cao Văn H dưới mục “TM. UBND huyện L” trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CT2645072 mang tên Hoàng Văn B (ký hiệu A5) so với chữ ký của Cao Văn H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M6, M7) là không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn mang tên Ủy ban nhân dân huyện L dưới mục “TM. UBND huyện L” trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất” số CT2645072 mang tên Hoàng Văn B (ký hiệu A5) là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

Ngày 17/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 18/QĐ-CSĐT, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định nội dung: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT2645072 mang tên Hoàng Văn B là thật hay giả? Giấy vay tiền tại phần nội dung và người nhận tiền có phải Hoàng Văn B viết ra không?. Tại Kết luận giám định bổ sung số 1940/KL-KTHS, ngày 27/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Phôi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CT264072 mang tên Hoàng Văn B (ký hiệu A1) là giả, được làm bằng photocopy màu.

- Hình dấu tròn mang tên Ủy ban nhân dân huyện L trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CT264072 mang tên Hoàng Văn B (ký hiệu A1) là giả, được làm bằng photocopy màu.

- Chữ ký mang tên Cao Văn H dưới mục “TM. UBND huyện L” trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CT264072 mang tên Hoàng Văn B (ký hiệu A1) so với chữ ký của Cao Văn H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M3, M4) là không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2 – trừ chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn V dưới mục “Người làm chứng”; chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn T và chữ viết có nội dung “ngày 6 tháng 8 năm 2022 Tên tôi: Loan Văn T đã nhận đủ số tiền trên của anh Ba là 50.000.000 đ – năm mươi triệu”) so với chữ viết, chữ ký của Hoàng Văn B trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M5, M6, M7) là do cùng một người ký, viết ra.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Hoàng Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức của mình là sai, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nguyện vọng xin lại chiếc điện thoại di động Iphone xs màu trắng, vì không sử dụng vào việc phạm tội, bị cáo nhất trí tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen bị thu giữ liên quan đến việc bị cáo sử dụng liên lạc việc phạm tội.

Tại phiên tòa anh Hoàng Văn B trình bày phù hợp với lời trình bày tại cơ quan điều tra, anh Ba xác định bị cáo đã tác động để anh chị bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Anh đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả toàn bộ thay cho bị cáo và không có đề nghị gì, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa chị Lăng Thị B xác định chị không biết việc bị cáo B (là chồng chị) thực hiện việc làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị cũng không được sử dụng số tiền mà bị cáo đã vay, nhưng do bị cáo yêu cầu chị ký thì chị ký, chị không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra đã được công bố tại phiên tòa.

Tại bản Cáo trạng số 19/KSĐT ngày 18 tháng 01 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh BG đã truy tố bị cáo Hoàng Văn B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa đã luận tội bị cáo, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm c khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Văn B từ 4 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Xử phạt Hoàng Văn B từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là từ 08 năm đến 9 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 28/7/2022). Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone xs màu trắng có số Imei 354863095716950, bên trong lắp sim 0868955882.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen ghi xám có số seri 1: 357285080585629; số seri 2: 357285080585637, bên trong lắp sim 1: 0352.681.237; sim 2: 0868.817.333;

Tịch thu tiêu hủy 01 02 (hai) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” mang tên Hoàng Văn B đều có số CT264072 đề ngày 23/1/2017 và 21/5/2019 đều được đóng dấu UBND huyện L, tỉnh BG, có chữ ký của phó Chủ tịch Cao Văn H; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CT2645072, sổ vào sổ CH216 mang tên Hoàng Văn B, sinh năm 1992, địa chỉ thường trú: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG do UBND huyện L cấp ngày 12/6/2013; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CT2645072, sổ vào sổ CH119 mang tên Hoàng Văn B, sinh năm 1992, địa chỉ thường trú: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG do UBND huyện L cấp ngày 24/6/2013.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn B.

Bị cáo tranh luận lại với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát: Bị cáo Bị cáo thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là cao, bởi bị sau khi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan điều tra đầu thú; Trong quá trình điều tra và xét xử cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động để gia đình khắc phục thiệt hại cho bị hại; Bị hại cũng đã có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là cao.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với lời tranh luận của bị cáo: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên lời luận tội đối với bị cáo, bởi vì tất cả những T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo đã tranh luận đã được Đại diện Viện kiểm sát xem xét, nhưng bị cáo phạm tội với mức tiền lớn, có nhiều T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên mức đề nghị xử lý hình phạt mà Đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với quy định của pháp luật.

Không có ai tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên thu thập: Hoạt động điều tra thu thập chứng cứ và các tài liệu của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh BG, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh BG, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng tang vật chứng thu hồi được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận: “Khoảng tháng 02/2020, Hoàng Văn B đã thông qua mạng xã hội Zalo thuê người làm 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Hoàng Văn B với giá 20.000.000 đồng, mục đích để mang đi thế chấp lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau khi có được 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2020 đến tháng 01/2022 B đã 04 lần mang 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên thế chấp để chiếm đoạt tổng số tiền 180.000.000 đồng. Cụ thể: khoảng giữa tháng 8/2020 B thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà Ngô Thị Q, sinh năm 1963 ở P, xã T, huyện L để chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng; Cuối tháng 10/2021 B thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà Ngô Thị X, sinh năm 1958, trú tại P, xã T, huyện L để chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 29/6/2021 (âm lịch), tức 07/8/2021 dương lịch, B thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho

anh Vi Văn D, sinh năm 1983, trú tại thôn C, xã P, huyện L để chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng và ngày 23/01/2022 B thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho anh Loan Văn T, sinh năm 1981, trú tại thôn D, xã Đ, huyện L để chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên B đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.”.

[3] Hành vi nêu trên của Hoàng Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Hội đồng xét xử xét thấy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính cơ quan Nhà nước về tài liệu hoặc giấy tờ khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét về T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 04 lần thực hiện hành vi phạm tội và phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Xét về T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, đây là T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng T tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Sau khi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan điều tra đầu thú; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là T tiết giảm nhẹ được xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội nghiêm trọng, lại phạm nhiều tội, phạm tội nhiều lần, đã có tiền án nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục, coi thường pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi địa phương một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Tại phiên tòa bị cáo cho rằng mức đề

nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát là cao, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm phạm tội, các T tiết tang nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với loại tội này, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có công việc ổn định, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Đối với chị Lăng Thị B là vợ của Hoàng Văn B, quá trình điều tra xác định chị B không được tham gia, bàn bạc với B về việc làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng như không được bàn bạc với B về việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Ngô Thị Q, Ngô Thị X. Khi được B gọi đến nhà bà X, bà Q ký giấy vay tiền, hợp đồng vay tiền thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì B không nói cho chị B biết giấy các chứng nhận quyền sử dụng đất mà B thế chấp cho bà Q và bà X là giả, chị Bích nghĩ đó là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố chồng cho B mượn đem đi thế chấp nên đã ký giấy để B vay tiền của những người này. Mặt khác chị B không được hưởng lợi gì từ số tiền do B lừa đảo chiếm đoạt của mọi người. Do đó chị B không đồng phạm với B về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người nêu trên, cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với chị Bích là có căn cứ.

[9] Đối với anh Nguyễn Văn V ký làm chứng vào giấy vay tiền giữa B với anh Vi Văn D và Loan Văn T; anh Trần Văn T ký làm chứng vào Hợp đồng đặt cọc giữa bà Ngô Thị X với B, quá trình điều tra xác định cả anh D, T và Vinh đều không biết các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do B thế chấp là giả. Các anh không được bàn bạc gì với B và không được hưởng lợi gì đối với số tiền B lừa đảo chiếm đoạt của anh D, anh T và bà X nên không có căn cứ xử lý đối với những người này.

[10] Đối với việc bà Ngô Thị Q và Ngô Thị X cho bị can B vay tiền có tính lãi xuất, tuy nhiên lãi xuất cho vay và số tiền bà Q, bà X được hưởng lợi đều chưa đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Công an huyện Lục Ngạn đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với bà X, bà Q là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Đối với người B thuê làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, quá trình điều tra B khai liên lạc qua mạng xã hội Zalo, không biết tên tuổi, địa chỉ của người này nên không có căn cứ xử lý. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 30/7/2022 và ngày 06/8/2022, anh Hoàng Văn Ba là em trai của Hoàng Văn B đã trả cho anh Vi Văn D số tiền 30.000.000 đồng; bà Ngô Thị Q số tiền 53.000.000 đồng; bà Ngô Thị X số tiền 50.000.000 đồng và anh Loan Văn Thương số tiền 50.000.000 đồng. Anh D, bà X, bà Q, anh

Thường không có yêu cầu gì khác, đồng thời có đơn xin giám nhẹ hình phạt cho bị cáo Hoàng Văn B. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[13] Về vật chứng: Ngày 13/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số 120/QĐ-CSĐT, trả lại 01 giấy phép lái xe hạng E số 240211257784 mang tên Hoàng Văn B cho chị Lăng Thị B là vợ B;

Đối với các đồ vật, tài liệu còn lại gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone xs màu trắng có số Imei 354863095716950, bên trong lắp sim 0868955882 là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo; Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen ghi xám có số seri 1: 357285080585629; số seri 2: 357285080585637, bên trong lắp sim 1: 0352.681.237; sim 2: 0868.817.333 là phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.;

Đối với 02 (hai) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” mang tên Hoàng Văn B đều có số CT264072 đề ngày 23/1/2017 và 21/5/2019 đều được đóng dấu UBND huyện L, tỉnh BG, có chữ ký của phó Chủ tịch Cao Văn H; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CT2645072, sổ vào sổ CH216 mang tên Hoàng Văn B, sinh năm 1992, địa chỉ thường trú: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG do UBND huyện L cấp ngày 12/6/2013; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CT2645072, sổ vào sổ CH119 mang tên Hoàng Văn B, sinh năm 1992, địa chỉ thường trú: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG do UBND huyện L cấp ngày 24/6/2013 là giấy tờ giả không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[14] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo; Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm c khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Văn B 4 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và xử phạt Hoàng Văn B 03 năm 06 tháng tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 28/7/2022). Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone xs màu trắng có số Imei 354863095716950, bên trong lắp sim 0868955882.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen ghi xám có số sêri 1: 357285080585629; số sêri 2: 357285080585637, bên trong lắp sim 1: 0352.681.237; sim 2: 0868.817.333;

Tịch thu tiêu hủy 01 02 (hai) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” mang tên Hoàng Văn B đều có số CT264072 đề ngày 23/1/2017 và 21/5/2019 đều được đóng dấu UBND huyện L, tỉnh BG, có chữ ký của phó Chủ tịch Cao Văn H; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CT2645072, sổ vào sổ CH216 mang tên Hoàng Văn B, sinh năm 1992, địa chỉ thường trú: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG do UBND huyện L cấp ngày 12/6/2013; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CT2645072, sổ vào sổ CH119 mang tên Hoàng Văn B, sinh năm 1992, địa chỉ thường trú: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh BG do UBND huyện L cấp ngày 24/6/2013.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn B.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh BG;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Văn phòng và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Văn Thế